

- kiến.
- GV và cả lớp nhận xét, kết luận.
 - Bài 3.
 - Phát phiếu nhóm cho HS.
 - GV nhắc HS xem lại kiến thức cần ghi nhớ trong các tiết “Luyện từ và câu” tuần 7, 8 để làm bài cho đúng.

hỏi a, b, c, d (SGK).

- HS: Đọc yêu cầu của bài.
- Trao đổi, thảo luận hoàn thành phiếu.

- Đại diện nhóm dán phiếu và trình bày.
HS: Làm bài vào vở bài tập.
- 1 vài HS làm trên phiếu trình bày kết quả.

<i>Các loại tên riêng</i>	<i>Quy tắc viết</i>	<i>Ví dụ</i>
1. Tên người, tên địa lý nước ngoài.	<p>-Viết hoa chữ cái đầu của mỗi bộ phận tạo thành tên đó. Nếu bộ phận nào có nhiều tiếng thì giữa các tiếng có dấu gạch nối.</p> <p>- Những tên phiên âm theo Hán Việt viết như cách viết tên riêng Việt Nam.</p>	<p>Lu - i - Pa - xơ, Xanh Pê - téc - bua, Tuốc - ghê - nhép.</p> <p>Luân Đôn</p>
2. Tên người, tên địa lý Việt Nam.	Viết hoa chữ cái đầu của mỗi tiếng tạo thành tên đó.	Hồ Chí Minh. Điện Biên Phủ.

4.Củng cố dặn dò:

- GV nhận xét tiết học.
- Nhắc HS đọc trước chuẩn bị nội dung cho tiết sau.

Toán

Luyện tập chung

I.Mục tiêu:

- Giúp HS củng cố về:
- Cách thực hiện phép cộng, phép trừ các số có 6 chữ số, áp dụng tính chất giao hoán và kết hợp của phép cộng để tính bằng cách thuận tiện nhất.
 - Đặc điểm của hình vuông, hình chữ nhật, tính chu vi và diện tích hình chữ nhật.

II.Đồ dùng dạy học.

- Thước thẳng và ê - ke.

III.Các hoạt động dạy học chủ yếu:

A.Kiểm tra bài cũ:

- GV gọi HS lên chữa bài về nhà.

B.Hướng dẫn HS làm bài tập:

- + Bài 1:Y/c HS tự làm bài.

| HS: Đọc yêu cầu của bài và tự làm.

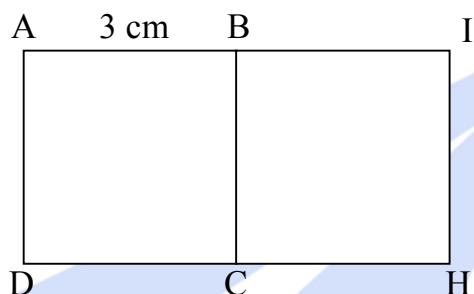
-Chữa bài và cho điểm HS.

+Bài 2. Y/c HS áp dụng các tính chất đã học của phép cộng và làm bài.

-GV và cả lớp chữa bài.

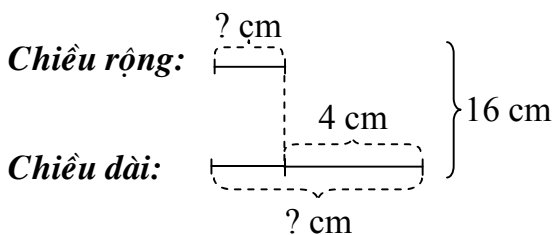
$$\begin{aligned} & \text{a) } 6257 + 989 + 743 \\ & = (6257 + 743) + 989 \\ & = 7000 + 989 \\ & = 7989 \end{aligned}$$

+ **Bài 3: Vẽ hình và y/c HS quan sát.**



+ Bài 4:

Tóm tắt:



- GV chữa bài cho HS.

C.Củng cố dặn dò:

- Nhận xét giờ học. Y/c HS về nhà xem lại bài và chuẩn bị bài sau.

- 2 HS lên bảng làm bài 2, cả lớp làm vào vở.

-HS làm bài theo y/c.

-Lớp làm vở, 2 em làm bảng.

$$\begin{aligned} & \text{b) } 5798 + 322 + 4678 \\ & = (5798 + 322) + 4678 \\ & = 5798 + 5000 \\ & = 10798 \end{aligned}$$

HS: Đọc yêu cầu của bài và tự làm.

Bài giải:

a) Hình vuông BIHC có cạnh BC = 3 cm nên cạnh của hình vuông là 3 cm.

b) Trong hình vuông ABCD, cạnh DC vuông góc với cạnh AD và BC.

- Trong hình vuông BIHC cạnh CH vuông góc với cạnh BC và cạnh IH. Mà DC và CH là 1 bộ phận của cạnh DH (trong hình chữ nhật AIHD). Vậy cạnh DH vuông góc với các cạnh AD, BC, IH.

c) Chiều dài hình chữ nhật AIHD là:

$$3 + 3 = 6 \text{ (cm)}$$

Chu vi hình chữ nhật AIHD là:

$$(6 + 3) \times 2 = 18 \text{ (cm)}$$

Đáp số: 18 cm.

HS: Đọc đề bài, TT bằng sơ đồ rồi giải.

Bài giải:

Chiều rộng của hình chữ nhật là:

$$(16 - 4) : 2 = 6 \text{ (cm)}$$

Chiều dài của hình chữ nhật là:

$$6 + 4 = 10 \text{ (cm)}$$

Diện tích của hình chữ nhật là:

$$10 \times 6 = 60 \text{ (cm}^2\text{)}$$

Đáp số: 60 cm².

Luyện từ và câu

ôn tập giữa học kỳ I (Tiết 3)

I.Mục tiêu:

- Tiếp tục kiểm tra lấy điểm tập đọc và học thuộc lòng.
- Hệ thống hoá 1 số điều cần ghi nhớ về nội dung, nhân vật, giọng đọc của các bài tập đọc là truyện kể thuộc chủ điểm “Măng mọc thẳng”.

II.Đồ dùng dạy - học:

Phiếu ghi tên bài tập đọc. Phiếu khổ to kẻ sẵn bảng ở BT 2.

III.Các hoạt động dạy - học:

A.Kiểm tra:

B.Hướng dẫn HS ôn tập:

1.Kiểm tra đọc và học thuộc lòng:

Thực hiện như tiết 1 (Kiểm tra 1/3 số HS trong lớp):

2.Bài tập 2:

Y/c HS tìm các bài tập đọc là truyện kể thuộc chủ điểm “Măng mọc thẳng” tuần 4, 5, 6 (tìm ở phần mục lục).

Y/c HS trao đổi, thảo luận để hoàn thành phiếu.

- GV chốt lại lời giải đúng .

HS: Đọc yêu cầu của bài,

HS: Đọc tên bài, GV viết lên bảng.

- Tuần 4: Một người chính trực.

- Tuần 5: Những hạt thóc giống.

- Tuần 6: + Chị em tôi.

+Nỗi dằn vặt của An - đrây — ca.

HS: Đọc thâm các truyện trên, trao đổi theo cặp, làm bài trên phiếu.

-Đại diện nhóm dán phiếu và trình bày.

HS: Đọc phiếu đã hoàn chỉnh.

<i>Tên bài</i>	<i>Nội dung chính</i>	<i>Nhân vật</i>	<i>Giọng đọc</i>
1. Một người chính trực	Ca ngợi lòng ngay thẳng, chính trực, đặt việc lớn lên trên tình riêng của Tô Hiến Thành.	- Tô Hiến Thành - Đỗ Thái Hậu	Thong thả, rõ ràng...
2. Những hạt thóc giống	Nhờ dũng cảm, trung thực, cậu bé Chôm được vua tin yêu, truyền cho ngôi báu.	- Cậu bé Chôm - Nhà vua.	Khoan thai, chậm rãi.

HS: 1 số em thi đọc diễn cảm 1 đoạn văn minh họa giọng đọc phù hợp với nội dung bài.

- Nhận xét, tuyên dương HS đọc tốt

4.Củng cố dặn dò:

- GV nhận xét tiết học. Y/c HS về nhà học bài và chuẩn bị bài sau.

Khoa học

ôn tập: con người và sức khoẻ (Tiếp)

I.Mục tiêu:

- Giúp HS củng cố và hệ thống các kiến thức về: Sự trao đổi chất của cơ thể với môi trường. Các chất dinh dưỡng có trong thức ăn. Cách phòng tránh 1 số bệnh do thiếu hoặc thừa chất dinh dưỡng.
- HS có khả năng: áp dụng những kiến thức đã học vào cuộc sống hàng ngày.

II.Đồ dùng dạy - học:

- Tranh ảnh, mô hình hay vật thật về các loại thức ăn.

III.Các hoạt động dạy - học:

1.Giới thiệu:

2.Hướng dẫn HS ôn tập tiếp:

a.HĐ1: Trò chơi Ai chọn thức ăn hợp lý?

+Bước 1:Tổ chức hướng dẫn.Làm việc theo nhóm, sử dụng những thực phẩm mang đến, những tranh ảnh mô hình về thức ăn đã sưu tầm được để trình bày được 1bữa ăn ngon và bổ ích.Giải thích tại sao nhóm mình lại lựa chọn như vậy?

+ Bước 2: Làm việc theo nhóm.

+ Bước 3: Làm việc cả lớp.

- Các nhóm làm việc theo gợi ý trên.

- Các nhóm trình bày bữa ăn của nhóm mình, nhóm khác nhận xét.

-Cả lớp thảo luận xem làm thế nào để có bữa ăn đủ chất dinh dưỡng?

b.HĐ2: Thực hành ghi lại và trình bày 10 lời khuyên dinh dưỡng hợp lý.

+ Bước 1: Làm việc cá nhân.

+ Bước 2: Làm việc cả lớp.

HS: Làm việc cá nhân như đã hướng dẫn ở mục thực hành trang 40 SGK.

- Một số HS trình bày sản phẩm của mình với cả lớp.

- Một số em khác nhận xét.

-2 HS đọc lại 10 điều khuyên.

- GV nhận xét, bổ sung.

3.Củng cố dặn dò:

- Nhận xét giờ học. Y/c HS về nhà học bài và chuẩn bị bài sau.

Buổi chiều:

Đạo đức

tiết kiệm thời giờ (*Tiết 2*).

I.Mục tiêu:

- HS hiểu được thời giờ là cái quý nhất, cần phải tiết kiệm thời giờ.
- Biết cách tiết kiệm thời giờ.
- Biết quý trọng và sử dụng thời giờ một cách tiết kiệm.

II.Tài liệu và phương tiện:

Các tấm bìa màu, các mẫu chuyện, tấm gương.

III.Các hoạt động dạy học:

A.Kiểm tra bài cũ:

-Gọi 1 HS đọc nội dung ghi nhớ (tiết 1).

B. Dạy bài mới:

1. Giới thiệu:

2. Hướng dẫn luyện tập:

a. Hoạt động 1: Tìm hiểu việc làm nào là tiết kiệm thời giờ.

+Bài1: Phát cho mỗi nhóm 1 tờ bìa 2 mặt xanh-đỏ. Y/c các nhóm đọc các tình huống, thảo luận theo y/c.
-GV lần lượt đọc từng tình huống. Y/c các nhóm giờ tám bìa đánh giá cho mỗi câu.
GV kết luận:

-Các việc làm a, c, d là tiết kiệm thời giờ.
- Các việc làm b, đ, e không phải là tiết kiệm thời giờ.

b. Hoạt động 2: Em có biết tiết kiệm thời giờ? (bài tập 4 SGK).

- GV khen ngợi những HS đã biết sử dụng tiết kiệm thời giờ và nhắc nhở những HS còn lãng phí thời giờ.

c. Hoạt động 3: Trình bày giới thiệu các tranh vẽ đã sưu tầm:

-Khen HS chuẩn bị tốt và giới thiệu hay.

=> GV kết luận chung: Thời giờ là cái quý nhất, cần phải sử dụng tiết kiệm.

3. Củng cố dặn dò:

- Nhận xét giờ học. Y/c HS về vận dụng bài vào trong cuộc sống.

HS: Đọc yêu cầu và làm bài cá nhân.

-Thảo luận các tình huống theo y/c của GV.

-Lắng nghe tình huống và giờ tám bìa theo đánh giá của nhóm (Màu xanh - tiết kiệm thời giờ; màu đỏ - lãng phí thời giờ).

HS: Thảo luận nhóm đôi.

- 1 - 2 HS trình bày trước lớp.

- Cả lớp trao đổi, chất vấn, nhận xét.

HS: Trình bày giới thiệu các tranh vẽ của mình đã sưu tầm được về chủ đề tiết kiệm thời giờ.

- Trao đổi thảo luận về ý nghĩa của các tranh vẽ, ca dao, tục ngữ đó.

Luyện tiếng việt

Luyện tập: Từ Đơn từ phức

I. Mục tiêu:

Giúp HS: 1. Phân biệt được từ đơn và từ phức.

2. Biết xác định từ đơn, từ phức trong đoạn văn, đoạn thơ.

II. Đồ dùng dạy học:

Từ điển tiếng việt.

III. Các hoạt động dạy học:

A. Kiểm tra bài cũ:

B. Dạy bài mới:

1. Giới thiệu và ghi đầu bài:

2. Nội dung:

Bài 1. Cho đoạn văn sau:

Tôi / có / một / ham muốn /, ham muốn / tốt bậc/ là/ làm/ sao/ cho/ nước/
ta/ được/ độc lập/ tự do/, đồng bào/ ta/ ai/ cũng/ có/ cơm/ ăn/, áo/ mặc/, ai/ cũng/
được/ học hành/.

Dùng dấu gạch chéo tách các từ trong hai câu trên và xếp các từ tách được vào bảng sau:

<i>Từ đơn</i>	<i>Từ phức</i>
Tôi, có, một, là, làm, sao, cho, nước, ta, được, ta, ai, cũng, có, cơm, ăn, áo, mặc, ai, cũng, được.	Ham muốn, tốt bậc, tự do, độc lập, đồng bào, học hành.

Bài 2. Câu nào có bộ phận gạch chân là một từ?

- a) Xe đạp nặng quá, tôi không vác nổi. a) Xe đạp — một từ
b) Xe đạp nặng lắm, phải tra dầu đi.
c) áo dài quá nên mặc không đẹp.
d) áo dài là trang phục truyền thống của phụ nữ Việt Nam. d) áo dài — một từ

Bài 3. Tìm từ đơn và từ phức trong đoạn văn sau:

Ngày nọ, bố tôi lái xe đưa ông chủ đi tham dự một buổi họp quan trọng tại một thành phố khác. Ra tới ngoại ô, họ dừng lại ăn tạm bánh ngọt ngay trong xe thay cho bữa ăn trưa.

<i>Từ đơn</i>	<i>Từ phức</i>
Ngày, nọ, bố, tôi, lái, xe, đưa, đi, một, tại, khác, ra, tới, họ, ăn, tạm, ngay, trong, xe, thay, cho, bữa.	ông chủ, tham dự, buổi họp, quan trọng, thành phố, ngoại ô, dừng lại, bánh ngọt, ăn trưa.

3. Củng cố dặn dò

Nhận xét tiết học. Y/c HS về học bài và chuẩn bị bài sau.

Luyện toán

Luyện tập chung

I. Mục tiêu:

Giúp HS củng cố về:- Cách thực hiện phép cộng, phép trừ các số có 6 chữ số, áp dụng tính chất giao hoán và kết hợp của phép cộng để tính bằng cách thuận tiện nhất.

- Bài toán tìm 2 số biết tổng và hiệu của 2 số đó. Bài toán tìm số trung bình cộng.

II. Đồ dùng dạy học.

Chuẩn bị nội dung bài.

III. Các hoạt động dạy học chủ yếu:

1. Kiểm tra bài cũ:

2. Hướng dẫn HS làm bài tập:

Bài 1. Tìm x

$$\begin{aligned} \text{a) } x - 2008 &= 7999 \\ x &= 7999 + 2008 \\ x &= 10007 \end{aligned}$$

Bài 2. Tính giá trị của biểu thức:

$$\begin{aligned} \text{a) } 176752 + 118487 \times 4 \\ = 176752 + 473948 \\ = 650700 \end{aligned}$$

Bài 3. Tổng số tuổi của hai mẹ con là 48 tuổi. Tính tuổi của mỗi người biết rằng mẹ hơn con 30 tuổi.

Bài 4. Trung bình cộng của 6 số chẵn liên tiếp là 241. Hãy tìm sáu số đó.

$$\begin{aligned} \text{b) } x + 56789 &= 215354 \\ x &= 215354 - 56789 \\ x &= 213126 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{b) } 72524 \times 6 + 215556 \\ = 435144 + 215556 \\ = 650000 \end{aligned}$$

Giải:

Mẹ có số tuổi là:
 $(48 + 30) : 2 = 39$ (tuổi)
Con có số tuổi là:
 $39 - 30 = 9$ (tuổi)
Đáp số: Mẹ 39 tuổi
Con 9 tuổi.

-HS suy nghĩ và làm bài cá nhân,
-Lớp làm vở, 1 em làm bảng.

Giải:

Hai số chẵn liên tiếp hơn kém nhau 2 đơn vị. Nếu gọi số chẵn bé nhất trong 6 số đó là a thì 5 số chẵn liên tiếp sau a là: a + 2; a + 4; a + 6; a + 8; a + 10.

Ta có: $(a + a + 2 + a + 4 + a + 6 + a + 8 + a + 10) : 6 = 241$

$$\begin{aligned} a \times 6 + 30 &= 241 \times 6 \\ a \times 6 + 30 &= 1446 \\ a \times 6 &= 1446 - 30 \\ a \times 6 &= 1416 \\ a &= 1416 : 6 \\ a &= 236 \end{aligned}$$

Vậy 6 số chẵn liên tiếp lần lượt là: 236; 238; 240; 242; 244; 246

3. Củng cố dặn dò:

- Nhận xét giờ học. Y/c HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau.

Thứ tư ngày 29 tháng 10 năm 2014

Buổi sáng:

Tin học

(Giáo viên chuyên ngành soạn - giảng)

Tập đọc

ôn tập giữa học kỳ I (Tiết 4)